

# LUẬN A TỶ ĐẠT MA THUẬN CHÁNH LÝ

## QUYỂN 59

### Phẩm 6: NÓI VỀ HIỀN THÁNH (PHẦN 3)

Nay, nên tư duy, lựa chọn: Người tìm cầu kiến giả chân thật trong Thánh đế đầu tiên tu hạnh gì? Trong nghiệp địa ban đầu tìm cầu Thánh đế, tập thực hành nghi thức thật nhiều rộng. Người muốn hiểu biết khắp, phải ở trong chúng Thánh, tập hợp xem xét, thực hành tìm kiếm trong các luận. Tóm lại, người bắt đầu tu hành thì phải đối với giải thoát, đầy đủ ý sâu xa, ưa quán đức Niết-bàn, trái với lỗi sinh tử. Trước nhất, phải vận dụng phương tiện gần gũi bạn lành, vì bạn lành có khả năng làm gốc cho các hạnh, với sức nghe v.v... đầy đủ được gọi là bạn lành. Thí như thầy thuốc chữa bệnh. Trước hết, xem xét, quan sát các người có bệnh: bản tánh gì? Biến chứng ra sao? Mức độ thế nào? Có thể lực gì? Chỗ nào? Thời gian nào? Tập thành tánh gì? Chí nào? Lỗi nào? Pháp nào bị tùy theo? Ăn thức ăn gì? Trụ nghiệp nào? Phần vị nào?

Người bệnh kia từ trước đến nay, đã quen uống thuốc gì? Kế là, xem tánh chất đặc trị của các vị thuốc, tùy theo vị nào thích ứng với chứng bệnh mà cho uống, làm cho nóng, cho béo. Hoặc cho uống thuốc để đẩy lùi các bệnh. Phàm công trao cho thuốc không vô ích. Bạc Tôn kính đầy đủ bi trí cũng giống như thế, trước phải quán sát bệnh nặng, phiền não bị ép ngặt. Đầu tiên, muốn tập nghiệp các chúng đệ tử, thì phải biết rõ bản tánh của chúng là gì? Vì hành vi tham ư? Nói rộng, cho đến là hạnh xen lẫn ư? Đổi thay khác như thế nào? Cái gì khiến cho chúng đổi thay? Vì trải qua trụ lâu hay tạm thời như thế ư? khiến trái với bản tánh, có đức gì ư? Mức độ ra sao? Vì cầu sự vinh hiển ở đời hay vì mong cầu được công đức vững chắc xuất thế? Có thể lực gì? Thân đã dựa vào thế lực đó? Vì chịu đựng khổ nhọc một cách rất vững chắc, nếu ở một mình, chỗ vắng lặng, chuyên tinh tấn thọ lãnh, thực hành, công đức hạnh đầu đà vì rất mềm mỏng. Vì ở chỗ nào có? Ở chỗ này

đức này mất. Chỗ sinh cũng vì thuận sinh các thứ được, mất, nên về lý, phải quán sát xem vào thời gian nào có? Ở thời gian này ưa vui, vào thời gian này cũng thuận với tâm sinh ưa thích, nên về mặt lý, phải quán sát. Hoặc vị thành thực của căn, gọi là đúng thời tập gì thành tánh? Kia từ trước đến nay, đã quen tập đức gì? Nay thành tánh này. Có chí tánh gì? Là tánh yếu hèn, thấp kém hay tánh kiên cường, mạnh mẽ, chịu đựng ở chỗ nhàn tản, hay vì sự khổ nhọc hay vì rất mạnh mẽ có thể chịu đựng khó nhọc gánh vác việc lớn.

Có lỗi gì? Là tăng thượng mạn? Hay bị lôi kéo do lời nói của người? Vì tâm tứ nhiễu hay vì tánh ngu si, mờ tối? Là thường nói lời cong vạy, dua nịnh, hay tánh thô tháo nhiễu loạn? Là vì tham cung kính, hầu hạ, hay vì ưa thích lợi dưỡng? Là nhiều kiến giải bất chánh hay nhiều mê hoặc, ngờ vực? Pháp nào bị tùy theo hay phiền não nào? Đã theo đuổi vững chắc, có thể nào bị lay động không?

Chúng đệ tử kia nên ăn gì thuận ích cho thân? Vì thân nhờ vào ăn mà tồn tại, nên cần phải quán sát. Chúng đệ tử kia có nghiệp gì trước làm, khiến thuận với trước mà tu, nên cần phải quán sát xem trụ ở phần vị nào? Công đức, lỗi lầm tùy theo địa vị, tuổi tác khác nhau, nên phải quán sát đệ tử kia thích nghi mà trao cho.

Những gì là thuốc pháp vì nên bỏ hay để lại? Vì nên quở mắng, đuổi đi? Hay là vì đáng lý phải khen, khích lệ, hay vì nên răn dạy, chỉ bày?

Kế là, nên quán sát các môn đối trị, tùy theo đối tượng thích ứng với pháp đối trị đó, trao cho học, đều giúp cho đạt được lợi ích, không luống uổng.

Do đó, trong Khế kinh Đức Thế Tôn nói: Gần gũi bạn lành, gọi là hoàn toàn phạm hạnh. Hành giả đã vì nói chánh pháp, bạn lành gìn giữ, nên tu hạnh gì? Tụng rằng:

*Sắp hướng đạo kiến đế*

*Nên trụ giới, siêng tu*

*Do văn, tư, tu thành*

*Danh-Nghĩa-Cảnh đều có.*

**Luận nói:** Đối với người có phát tâm, sẽ hướng về kiến đế, nên trước an trụ Thi la thanh tịnh. Sau đó, siêng tu do nghe mà thành v.v... nên Đức Thế Tôn nói: Nương Thi la, có khả năng siêng tu tập trong hai pháp. Nghĩa là trước hết, an trụ vào giới thanh tịnh rồi, thường gần gũi các sư Du già. Thuận theo sư Du già truyền trao, răn bảo, tinh tấn, siêng năng, nhiếp thọ thuận với kiến đế, lắng nghe. Nghe rồi, siêng năng cầu

nghĩa pháp đã nghe, khiến cho lời răn dạy của thầy sinh tuệ tăng dần vượt hơn, sáng suốt dần, cho đến thuần thực. Không phải chỉ ở đây, sinh tâm vui đủ, còn đối với nghĩa pháp, tự chuyên tư duy, lựa chọn.

Như thế, quyết định như thế, tuệ sinh, tự tư duy làm nhân quyết định tuệ sinh rồi, hay siêng năng, tu tập các tu hai đối trị: Tự tướng, và cộng tướng của các phiền não v.v...

Nay, nghĩa lược nhiếp trong đây, là người tu hành, trụ giới, siêng tu, dựa vào Văn tuệ (do nghe thành), khởi Tư tuệ (do suy nghĩ thành) dựa vào Tư tuệ phát khởi Tu tuệ (do tu thành).

Tướng trạng sai khác của ba tuệ này ra sao?

Như thứ lớp duyên danh, nghĩa, cảnh đều cùng có. Về lý thật ra, ba tuệ thành mãn, tất cả đều chỉ duyên nghĩa làm cảnh, lúc ấy khó tách biệt ba tuệ. Cho nên nay tạm căn cứ ở vị gia hạnh nói Văn, Tư, Tu duyên danh, nghĩa đều cùng có, không phải chỉ duyên theo danh, cảnh mà có quyết định tuệ sinh. Văn tuệ không chỉ duyên theo cảnh, danh, nhưng vì tùy theo danh, cú, văn, thân mà sư đã nói, nên đối với sự sai khác của nghĩa, có tuệ quyết định sinh. Tuệ này gọi là Văn tuệ do nghe mà được thành.

Căn cứ nhập phương tiện nói, chỉ duyên văn tuệ nghe thành rồi, vì biết nghĩa riêng biệt. Lại, thêm tinh tấn, siêng năng, tự xem xét, tư duy, lựa chọn, vì muốn khiến tư duy lựa chọn không mê lầm. Lại nhớ đến danh cú văn thân mà thầy đã dạy, từ đó về sau sinh tuệ quyết định với các nghĩa sai khác gọi là do tư duy tạo thành. Khi gia hạnh này do sức tư duy nghĩa dẫn nghĩ đến danh, nên nói duyên theo cảnh đều cùng có, tư tuệ đã thành rồi, đẳng dẫn hiện tiền, không đợi danh, ngôn, chứng nghĩa sai khác. Tuệ quyết định này gọi tu tạo thành.

Các sư Du già lập dụ trong đây: Như người vẽ tranh năm màu. Khi tập vẽ tranh năm màu, đầu tiên, kính nhận bức vẽ gốc từ họa sẽ xem xét, ngắm nhìn kỹ tướng mạo gần giống với bức vẽ gốc, bắt chước học, thường xoa, thường tập, cho đến thật quen thuộc. Sau đó, lật lại (che) bức họa gốc, thường tư duy, thường tu tập, sao cho bức tập vẽ không sai. Lại so sánh bức tranh tập vẽ với bức họa gốc, khiến bức họa do mình vẽ bằng, hoặc thêm đôi chút nét vẽ. Không đúng, thì sự tập vẽ không có lý tăng tiến.

Do đó, thời gian sau, tác phẩm vẽ càng vượt hơn. Không nhọc công nhìn bức họa gốc, mà tùy ý muốn của mình đều thành. Tập pháp ba tuệ, nên biết cũng thế.

Sư Tỳ-bà-sa lại lập dụ riêng. Như có một thứ bơi lội, lặn sâu, và

nhanh dưới nước. Người chưa từng học lội, không thể rời khỏi bờ và phao bơi. Người từng học lội mà chưa thành thạo, có thể tạm bỏ, cách không xa, sợ bị chìm, lại bơi trở vào bờ, hoặc giữ chặt chân vào chỗ dựa (phao). Người từng học bơi giỏi, có thể bơi không mệt nhọc, không màng đến bờ, chỗ nương tựa. Mặc dù lặn lội ở chỗ thật sâu, nơi có dòng nước xoáy, mạnh đầy sự hiểm nạn, vẫn có khả năng thoát khỏi chìm đắm, mà tự tại bơi qua bờ.

Như thế, nên biết ba tuệ khác nhau.

Kinh chủ cho rằng tư tuệ này không thành, vì tư tuệ này đã chung duyên danh, duyên nghĩa, như thứ lớp, phải do văn tu tạo thành.

Nay, xét rõ ba tướng không có vượt qua khác, nghĩa là người tu hành dựa vào nghe chí giáo, sinh tuệ thù thắng gọi là văn tạo thành. Dựa vào tư duy chánh lý, sinh tuệ thù thắng, gọi là tư tạo thành.

Dựa vào tu đẳng trì, sinh tuệ thù thắng, gọi là tu tạo thành.

Kinh chủ kia, vì chưa thấu suốt ý của Tỳ-bà-sa, nên mới nói lời ấy: Tuy nhiên, Tỳ-bà-sa nói về ba tướng với ý riêng không đúng, nghĩa là nếu khi có tuệ ở gia hạnh, do sức duyên danh, dẫn sinh hiểu nghĩa. Tuệ được dẫn ở đây, gọi văn tạo thành. Nếu lúc gia hạnh, do năng lực tư duy nghĩa, dẫn nghĩ đến danh mà hiểu. Từ đó, về sau, sinh tuệ quyết định, gọi là tư tạo thành. Nếu không đối đãi danh, chỉ quán ở nghĩa, khởi tuệ chứng nội, gọi tu tạo thành. Như tông Tỳ-bà-sa kia nói về ba tuệ này, mặc dù đều là tướng quyết định không có sai khác, nhưng căn cứ ở đẳng trì chánh lý, chí giáo làm nhân, không đồng, ba tướng có khác.

Như thế, khi tông ta đã nói ba tuệ này thành, duyên nghĩa tướng dù không có khác, nhưng căn cứ duyên danh, duyên câu, duyên nghĩa, vì gia hạnh riêng, nên ba tướng có riêng biệt. Vả lại, tư tạo thành là tư duy chánh lý, sinh tuệ quyết định làm gia hạnh này, với thế lực kiên cường, không có sai lầm.

Lại nghĩ đến danh, cú, văn thân, lời dạy bảo của thầy, là giúp đỡ gia hạnh cho tư tạo thành.

Căn cứ ở gia hạnh để nói duyên chung danh, nghĩa không phải vị thành mãn, cũng có tự thể duyên chung. Thế nên, ở vị sinh của ba tuệ quyết định, dù đều duyên nghĩa, tướng không có sai khác, nhưng vì trong gia hạnh có sai khác. Phái Tỳ-bà-sa căn cứ gia hạnh, mà phân biệt rõ.

Đã vậy, tư tuệ chẳng phải không thành. Người ở nơi vắng vẻ, nói văn tạo thành vị tuệ hiện ở trước, khinh an, ánh sáng chưa hiện khắp

chỗ dựa, cũng không trụ vững chắc. Ở vị tư tuệ hành, khinh an, ánh sáng chưa biến khắp chỗ dựa, được chút ít trụ vững. Ở vị tu hành tuệ, do sức định đã dẫn đại chúng thù thắng, ở khắp trong thân bèn có khinh an, ánh sáng thù thắng đầy khắp trong thân, nối tiếp nhau, trụ vững chắc. Do đó, hành giả ở vị này, với chỗ nương tựa cực kỳ khinh an, dung mạo xán lạn, tươi, nhuận đặc biệt khác thường. Tướng của ba tuệ sai khác như thế vị bất định khác cũng có ánh sáng, nhưng không phải đều thuộc về văn tuệ, tư tuệ. Hai tuệ trong đây, gọi là tạo thành: nghĩa là nhờ sức nghe, tư duy sinh tuệ. Tu tuệ thứ ba, gọi là tạo thành tức nghĩa dùng tu làm tự tánh. Như nói: Mạng sống, do ăn, của báu mà thành. Các hữu, tình muốn đối với tu tinh tấn, học siêng năng, làm sao được thanh tịnh thân khí, khiến tu chóng thành? Tụng rằng:

*Cùng thân, tâm xa lìa  
Không chẳng đủ dục lớn  
Là đã được, chưa được  
Cần nhiều gọi chỗ không  
Trị trái nhau ba cõi  
Tánh Vô lậu, vô tham  
Bốn Thánh chủng cũng vậy  
Ba trước chỉ vui đủ  
Ba sinh đủ nghiệp sau  
Vì trị bốn ái sinh  
Sự dục ngã, ngã sở  
Tạm dứt, trừ bỏ hẳn.*

**Luận nói:** Thân khí thanh tịnh, lược do ba nhân. Ba nhân là:

1. Thân, tâm xa lìa.
2. Vui đủ, ít muốn.
3. Trụ bốn Thánh chủng.

Nghĩa là nếu người muốn sao cho tu chóng thành, thì phải trước tinh tấn, siêng năng, tinh luyện thân khí (thân). Muốn cho thân khí được thanh tịnh thì trước hết tu tập thân, tâm xa lìa.

Thân xa lìa. Là xa lánh bạn ác, tâm xa lìa là lìa tâm ác. Do thân, tâm lìa tâm, bạn ác nên thân khí thanh tịnh, tâm dễ được định. Hai thân tâm này do đâu được dễ thành?

Do vui đủ, ít muốn những thứ như y phục v.v... Nói vui đủ (biết đủ). Nghĩa là không có gì không vui đủ. Ít muốn nghĩa là không ham muốn nhiều. Các người mong cầu nhiều vật dụng trợ giúp cho sự sống; ban ngày, giao du với bạn xấu; đêm đến, khởi tâm tứ ác. Do đó, không

sao khiến cho tâm đạt được chỗ định.

Hai thứ “không có” khác biệt thế nào?

Nghĩa là đối với y phục v.v..đẹp, nhiều đã được, tiếc không được đẹp hơn, nhiều hơn nữa... Đây muốn nói lên nghĩa bằng nhau, vượt hơn gấp bội. Vì ưa muốn hơn nữa, nên gọi là không vui đủ. Nếu khi chưa được y phục v.v...nhiều, đẹp thì mong cầu được, gọi đó là dục lớn. Các vật hiện có nếu biết đủ thì đó là công năng đối trị khổ. Nếu lại mong cầu nhiều, thì sẽ vượt qua phẩm thiện. Nghĩa trong đây như Kế kinh nói: Người tùy thuận những gì có được thì thân yên vui làm cho tâm dễ định và có thể nói pháp. Cho nên, người mong cầu vật trị khổ thì đó chính là trợ đạo chứ không phải lỗi lầm. Vì vậy, Kinh chủ nói: Nên nói rằng: đối với tất cả các vật đã được, không tốt đẹp, không nhiều mà tiếc, trông mong, không vui thích thì gọi là không vui đủ (bất hỷ túc), đối với y phục v.v... các sự việc chưa được mà cầu tốt đẹp, nhiều thì gọi là dục lớn (đại dục). Tuy nhiên không đúng với chánh lý. Vì sao? Vì nếu vật đã được chưa đủ công năng trị khổ, mà tiếc, trông mong không hân hoan, nếu đều chưa được vật có công năng đối trị khổ, mà mong cầu được thì đây là không chướng định, đâu có lỗi lầm.

Lại, chê bai Đối pháp đã nói về tướng, nói: Há không là cầu thêm nữa cũng duyên chưa được. Hai thứ này sai khác, lẽ ra không thành.

Về lý, cũng không đúng, vì không phải pháp Đối pháp nói đối với y phục đã được nhiều, đẹp v.v...mà riêng vui thích mong cầu hơn nữa, còn đối với y phục v.v... chưa được nhiều, đẹp mới gọi là không vui đủ. Sao lại nói cả hai sai biệt không thành?

Nếu nói như vậy, có ý nghĩa gì?

Nghĩa là đối với vật đã được mà biết đủ là khả năng trị khổ về y phục v.v.. nhiều, đẹp. Tức ở đây làm rõ nghĩa bằng nhau, vượt hơn gấp bội, sinh mong muốn nữa, tiếc hận trước đây không được y phục v.v... nhiều gấp bội, đẹp gấp bội, gọi là không vui đủ. Đối với việc đã đạt được mà biết đủ, có thể trị khổ, lại mong cầu gấp bội, mới có thể làm chướng ngại định, không phải đối với đã được, chưa thể trị khổ, lại mong cầu gấp bội, là làm chướng ngại định. Cho nên cách nói của pháp Đối pháp không có lỗi. Hoặc không có vui đủ, dù mong cầu hơn nữa nhưng vì khác với dục lớn, nên không có lỗi. Nghĩa là ở trước đã được các dụng cụ trợ giúp cho cuộc sống, không bị thiếu ít, mà lại mong cầu. Sự mong cầu như thế, từ vật đã được, tâm không vui đủ được dẫn sinh, nên quả thọ tên của nhân, gọi là không vui đủ. Trước kia, chưa được các vật dụng trợ giúp cho sự sống, tâm không nghĩ đến sự mong cầu quá

lượng, sự mong cầu như thế, gọi là dục lớn.

Hai thứ sai khác, với tướng chúng như thế. Vui đủ, ít muốn, có công năng trị hai thứ này. Trái với hai thứ này, nên biết riêng nhau, nghĩa là trị không vui đủ, trái với không vui đủ, là tướng vui đủ. Khả năng trị dục lớn, trái với dục lớn là tướng ít muốn, là đối với vật đã được, có công năng trị khổ. Không còn mong cầu, gọi là vui đủ, đối với vật chưa được, có công năng trị khổ, không cầu quá lượng, gọi là nghĩa ít muốn.

Cõi thuộc tánh vui đủ, ít muốn chung cho ba cõi, cũng có vượt qua ba cõi, thuộc về vô lậu, nghĩa là tâm thiện tương ứng lệ thuộc cõi Dục. Vui đủ, ít muốn, là lệ thuộc cõi Dục, vô lậu ở hai cõi trên là nói chuẩn theo cõi Dục. Lẽ ra nói đối trị hai thứ này, chỉ lệ thuộc cõi Dục. Lấy gì để chứng biết cõi Sắc, Vô sắc cũng có chủ thể trị là vui đủ, ít muốn?

Vì hiện thấy có khi sinh ở cõi Dục lại từ cõi Sắc, Vô sắc được cùng dẫn khởi hai thứ đối tượng trị hiện hành xa làm cho hai thứ chủ thể trị hiện hành tăng trưởng.

Đã nói về tướng riêng của hai thứ vui đủ, ít muốn, còn tướng chung gọi là vô tham, vì cả hai đều có thể đối trị tham. Tướng chung của đối tượng trị, gọi là dục tham. Thánh chủng nên biết, như nói chủ thể trị, nghĩa là cũng thông suốt ba cõi, vô lậu là vô tham, như trong cõi Vô sắc, dù không có cảnh thù oán, nhưng cũng được có thiện căn vô sân, trong cõi Vô sắc, dù không có y phục v.v... nhưng cũng được có thiện căn vô tham. Như Vô sắc kia không tham thân, cũng không tham các vật dụng nuôi sống, nên cõi Vô sắc đầy đủ bốn Thánh chủng. Thánh thọ dục tức là ở trong chủng loại Thánh có A-thế-da (ý lạc), mà không có gia hạnh. Vì là chủng loại của các Thánh nên gọi là Thánh chủng. Thánh chúng đều sinh từ bốn thứ này, lần lượt kế thừa, theo thứ lớp không dứt: trước làm giống sau, thế gian cực thành. Pháp thân của các Thánh đều từ năng lực tùy hỷ biết đủ (hỷ túc) mà dẫn dắt sinh khởi, là dòng họ Thánh, được gọi là Thánh chủng.

Ba loại trước trong bốn, thể chỉ có vui đủ, nghĩa là về ăn uống, y phục, giường nằm, tùy theo chỗ hiện có được đều sinh vui đủ. Ba vui đủ này tức ba Thánh chủng. Thiện căn vô tham có nhiều phẩm loại, ở trong đó, nếu trị tham không vui đủ, thì đây mới gọi là ba Thánh chủng trước. Thánh chủng thứ tư, là vui đoạn, Tu đạo đoạn, nghĩa là tu lìa trói buộc: Là vui Thánh đạo, là ở đạo kia, tình sâu mến mộ, vì vui đoạn và tu, gọi vui đoạn. Tu tức là nghĩa vui mến mộ diệt và đạo. Hoặc tu ừa dứt, gọi là vui dứt, tu là nghĩa vui mến mộ, đạo, diệt làm chứng, hoặc vì

vui diệt, Tu đạo. Do đó, có thể đối trị tham hữu, vô hữu nên đây cũng lấy vô tham làm tánh.

Há không phải là loại thứ tư cũng có thể trị sân v.v... cũng dùng vô sân v.v... làm tánh? Chẳng phải không có nghĩa này nhưng vì ba thứ trước làm tư lương. Ba thứ trước chỉ là tánh vô tham, loại thứ tư này cũng tự có thể đối trị tham, nên từ chỗ đã chỉ rõ mà nói khắp.

Vì sao chỉ lập vui đủ làm Thánh chủng, không phải ít muốn?

Vì người ít muốn chấp nhận về vật y phục v.v... vì có mong cầu, nghĩa là có ý tánh ưa thích thấp kém. Đối với cảnh chưa được, không dám cầu nhiều. Nếu đã được, phần nhiều chấp nhận cầu không dứt.

Người thấy vui đủ, sở hữu được ít, còn không cầu nữa, hướng chi là được nhiều, nên chỉ vui đủ, kiến lập Thánh chủng. Hoặc vì ngăn dứt khổ hạnh, là dục, không nói ít muốn dùng làm Thánh chủng, không phải như tâm ngoại đạo kia có dục vượt hơn, thường có dục thấp kém, luân tập nối tiếp nhau, nên hoặc tùy theo chỗ đạt được, sinh tâm hoan hỷ, không còn ưa mong cầu, gọi là vui đủ, dứt ưa dục lạc, đây là hơn hết. Hữu tình cõi Dục đa số ưa dục lạc, ưa dục lạc này trái với tâm xuất gia, ở trong lìa hoặc, khiến tâm tối tăm, chậm lụt, làm chướng ngại phạm hạnh, Tỉn lự hiện tiền. Vì lỗi lầm rất sâu, vui đủ có thể trị, nên chỉ vui đủ kiến lập Thánh chủng. Không phải ở trong chưa được nhiều y phục v.v... khi khởi mong cầu, tâm sinh hoan hỷ hướng chi ở ít. Thế nên, ít muốn ở trong chủ thể đối trị ưa dục lạc, vì không phải vượt hơn hết, nên không lập Thánh chủng.

Duyên y phục v.v... mà sinh ra vui đủ sao có thể nói là vô lậu? Ai nói vui đủ như thế là vô lậu?

Nếu vậy, sao Thánh chủng có cả vô lậu?

Do Thánh chủng kia tăng thượng, sinh ra Thánh đạo. Vì Thánh chủng kia dẫn sinh, nên từ Thánh chủng đó, được gọi tên, nên nói Thánh chủng đều có cả vô lậu. Không thể nói: “Duyên y phục v.v... tất cả vui đủ đều có cả vô lậu”, vô lậu ít muốn căn cứ vui đủ vô lậu này, nên giải thích: Nghĩa là sự tăng thượng của Thánh chủng kia đã sinh ra Thánh đạo. Vì Thánh chủng kia dẫn sinh, nên từ Thánh chủng đó, đặt tên, không phải Thánh đạo duyên theo cảnh như y phục v.v....

Vì sao Đức Thế Tôn nói bốn Thánh chủng?

Vì các đệ tử đã từ bỏ của cải, đời sống, sự nghiệp thế tục, quy Phật xuất gia, vì Thánh chủng kia chỉ bày rõ đối với Thánh pháp của Phật trong Tỳ-nại-da có công năng giúp đỡ sự nghiệp, phương tiện sống theo đạo, nghĩa là có chán lìa, ở nhà sinh tử, xuất gia cầu giải thoát, thì trang



bị đời sống làm gì? Ở trong tùy theo y phục v.v... đã được, sinh vui đủ sâu xa tạo tác sự nghiệp làm gì? Sinh vui Tu đạo đoạn sâu xa, vì khác với Tu đạo đoạn này, không có khả năng chứng Niết-bàn.

Vì sao chỉ bốn, không thêm, không bớt? Vì mức độ này, đầy đủ nhân sinh Thánh.

Nghĩa là nhân sinh Thánh, lược có hai thứ:

1. Dứt bỏ lỗi.
2. Gìn giữ đức.

Như thứ lớp, tức là ba loại trước và loại thứ tư. Thế nên, chỉ bốn không thêm, không bớt. Hoặc các việc thiện do văn, tư, tu thành, đều là dựa vào sự giải thoát của Thánh chủng. Nhưng vì đối trị bốn thứ ái sinh. Thế nên, Đức Thế Tôn lược nói bốn thứ, vì Khế kinh nói có bốn ái sinh, nên Khế kinh nói: Bí-sô! Hãy lắng nghe ái nhân y phục, lúc nên sinh thì sinh, khi nên trụ thì trụ, lúc đáng lý chấp thì chấp.

Như thế, ái nhân uống, ăn, giường nằm và hữu, vô hữu, đều nói như thế.

Vì đối trị bốn thứ này, nên chỉ nói bốn Thánh chủng.

Đối với vui đủ thuốc thang, sao không phải Thánh chủng?

Vì không nói ở Thánh chủng kia có ái sinh, vì trị ái sinh, kiến lập Thánh chủng. Kinh chỉ nói có bốn thứ ái sinh. Thế nên, đối với thuốc, không lập Thánh chủng. Hoặc tức xếp vào trong ba thứ trước, nghĩa là thuốc có khi thuộc về y phục, có khi thuộc về thức uống, ăn, có khi thuộc về giường nằm, nên đối với vui đủ thuốc, không lập riêng Thánh chủng. Hoặc nếu ở trong đó có dẫn lỗi kiêu mạn v.v... vì đối trị kiêu hãnh kia, nên kiến lập Thánh chủng. Đối với thuốc, không có lỗi dẫn sinh kiêu mạn v.v... nên Thánh chủng không có vui đủ ở thuốc.

Hoặc tất cả người đều thọ dụng. Nghĩa là đối với vui đủ kia, có thể lập Thánh chủng, không phải Tôn giả Phược-củ-la v.v... kia không hề bị bệnh, thọ dụng thuốc. Hoặc tất cả thời, nên thọ dụng thì vui đủ kia, có thể lập Thánh chủng, vì không phải tất cả thời thọ dụng thuốc. Hoặc y phương luận cũng thấy nói có vui đủ ở thuốc. Trong Tỳ-nại-da mới thấy nói có, vui đủ y phục v.v... Thánh chủng chỉ ở pháp nội mới có.

Có thuyết nói: Dù có vui đủ ở thuốc, nhưng không kiến lập làm Thánh chủng, vì các thứ thuốc có công năng thuận với phạm hạnh, nghĩa là đời hiện thấy, người ưa học giới, đối với vui đủ thuốc chướng ngại phạm hạnh. Hoặc Đức Phật vì muốn tạm dứt, trừ hẳn sự dục ngã, ngã sở, nên nói bốn Thánh chủng. Nghĩa là vì tạm dứt sự dục ngã sở, nên nói ba Thánh chủng trước, vì diệt trừ hẳn và sự dục ngã, nên nói

Thánh chủng thứ tư.

Kinh chủ ở đây, tự giải thích: Sự ngã sở, nghĩa là y phục v.v... sự ngã, nghĩa là tự thân duyên tham kia, được gọi là dục. Nếu giải thích như thế, về nghĩa không khác trước. Trong tụng, không nên phân biệt thành văn, câu, với tụng trước đã nói trị bốn ái sinh, lời nói dù có khác, nhưng vì nghĩa không có riêng. Do đó, sư của Tỳ-bà-sa ta, lại căn cứ ở môn khác để giải thích câu văn này: Ngã sở, ngã chấp, lập chấp tên dục, nghĩa là vì tạm thời dứt chấp ngã sở, nên Đức Thế Tôn thuyết ba Thánh chủng trước tức đối với y phục v.v... đã sinh vui đủ và tăng thượng kia dẫn Thánh đạo, vì vĩnh viễn diệt trừ và vì chấp sự ngã, nên Đức Thế Tôn nói Thánh chủng thứ tư, tức ưa Tu đạo đoạn và tăng thượng tu kia đã dẫn Thánh đạo, đều gọi là Thánh chủng. Ý môn này nói, khiến người có thân kiến tạm ngừng dứt, dứt trừ hẳn nêu, nói bốn Thánh chủng.

Như thế, đã nói: Sắp thú hưởng kiến đế, đã thích ứng với người tu hành và tu hành rồi.

Vì tu nhanh chóng thành tựu thân khí thanh tịnh, đã tập hợp tư lương Thánh đạo như thế. Muốn chánh nhập tu, do môn nào nhập? Tụng rằng:

*Nhập tu cần hai môn  
Quán bất tịnh, sở tức  
Người tham, tâm tăng thượng  
Như thứ lớp nên tu.*

**Luận nói:** Hành vi của các loài hữu tình khác rất nhiều, nên môn nhập tu cũng có nhiều thứ. Tuy nhiên, phần nhiều hữu tình kia đều dựa vào hai môn để nhập.

1. Quán bất tịnh.
2. Quán sở tức.

Chỉ hai pháp này được gọi là môn thiết yếu, vì các loài hữu tình muốn bước vào tu, đều do hai cửa (pháp môn) này.

Không đúng, như thứ lớp tham, tâm tăng, nghĩa là người tham tăng mạnh bước vào tu tập dựa vào môn quán bất tịnh, người tâm tăng thượng thì dựa vào môn quán sở tức, dường như không phải một chứng bệnh, một thứ thuốc mà có thể diệt trừ?

Căn cứ ở môn trị gần, nói quán bất tịnh, có công năng trị bệnh tham, chẳng phải không trị chứng bệnh khác. Niệm hơi thở (quán sở tức) chủ trị tâm, nên biết cũng như thế. Tuy nhiên, trì quán sở tức, duyên cảnh vi tế không có sai biệt, cảnh sở duyên hệ thuộc ở chính nó

tự tiếp nối nhau và có khả năng đình chỉ tầm tán loạn, không như quán bất tịnh duyên nhiều cảnh bên ngoài.

Như đã nói chung: như thứ lớp người có tham, tầm theo thứ lớp hai môn để bước vào tu tập. Trong hai môn này, trước nên nói về quán bất tịnh. Tướng quán ấy ra sao? Tụng rằng:

*Vì trị chung bốn tham  
Lại nói quán khung xương  
Rộng đến biển, lại lược  
Gọi vị mới tập nghiệp.  
Trừ chân đến nửa đầu  
Gọi đã tu thuần thực  
Buộc tâm giữa đầu mày  
Gọi vị vượt tác ý.*

**Luận nói:** Tu quán bất tịnh, chính là chữa trị tham. Nhưng sự sai khác tham, lược có bốn thứ:

1. Tham hiển sắc.
2. Tham hình sắc.
3. Tham xúc chạm tốt đẹp.
4. Tham cung phụng.

Đối trị bốn tham, được căn cứ ở hai tư duy, lựa chọn:

1. Quán bên trong thân chết .
2. Quán bên ngoài thân chết .

Với người căn tánh lạnh lợi, đầu tiên, dựa vào quán trước. Với người căn tánh chậm lụt, đầu tiên dựa vào quán sau. Nghĩa là người căn lạnh lợi, trước tiên quán trong thân: Da dễ làm ranh giới cuối cùng của thân; từ chân lên đỉnh đầu, từ đỉnh đầu trở xuống, quán sát khắp vòng, làm cho tâm nhàm chán thân này.

Vì muốn khuất phục, đối trị tham hiển sắc, nên chỉ tùy theo nghĩ đến phần bên trong của thân như mủ, máu, váng mỡ, tinh, nước dãi, nước mũi, tủy, não. Hiển sắc: đại, tiểu tiện v.v... biến đổi khác. Và, nên tùy theo nghĩ đến các chứng bệnh sản sinh, bên trong thân: Hiển sắc biến đổi khác nhau trên da: Vàng, trắng, sanh, đen, như mây khói, loang lổ, đen sẫm, không sáng, sạch. Do đó, khiến tâm cùng sinh tưởng rất nhàm chán, đây là khả năng chế phục, đối trị duyên tham hiển sắc. Vì biết thân này là chỗ nương tựa của hiển sắc chẳng yêu thích như thế v.v... nên đối với tất cả đều được lìa nhiễm.

Vì muốn khuất phục chữa trị tham hình sắc, nên quán sát riêng các chi trong thân gồm ba mươi sáu vật: tóc, lông v.v... nhóm tập, an

lập, hòa hợp mà thành. Là những thứ này, không có hình sắc như lông v.v...

Lại, dùng thặng giải( suy nghĩ theo chánh lý để hiểu vấn đề) chia cắt chi thân làm hai phần hoặc nhiều phần bị quăng rải rác trên mặt đất, các loại cầm thú đang giành nhau cắn xé, ăn nuốt xương, thịt rời rã, chi thể chia lìa. Do đó, khiến cho tâm sinh nhàm chán tột độ, ấy là khả năng chế phục, đối trị tham hình sắc.

Vì muốn điều phục trị tham sự xúc chạm tốt đẹp. Nghĩa là nên dùng thặng giải trừ bỏ da, thịt, chỉ quán bộ xương: rập nhám như gạch ngói. Do đó, làm cho tâm chán ngán đến tột độ, ấy là khả năng điều phục trị duyên tham sự xúc chạm tốt đẹp.

Vì muốn điều phục trị tham cung phụng: Nên dùng thặng giải để quán sát bên trong thân, như: ngủ say, ngất xỉu, điên khùng, bệnh động kinh v.v... không thể vận động chi thân một cách tự tại, như khi già bệnh đến, hoặc chưa đến, bị những việc như thế ràng buộc thân họ. Lại, quán thân trong vận hành không tự tại, đều lệ thuộc các duyên mới sinh. Ở trong đó, đều không có một chút phần thân, có thể làm đối tượng nương tựa của oai nghi, cung phụng. Chạy theo vọng chấp làm chủ thể cung phụng quyết định có sự chủ thể cung phụng. Nhưng từ ngữ cung phụng, với nghĩa đã gọi, tức là dùng phần thân của thân làm duyên, quyết định có thể làm sự nghiệp oai nghi: múa, ca, cười, khóc, ngậm miệng, thở than, đùa bỡn v.v... Quán các việc ấy của thân xác kia, đều không có tánh cố định, như cây đàn sắt v.v... đã phát ra âm khúc, tất cả đều giống như việc làm của trò ảo thuật biến hóa. Do đó, khiến cho tâm sinh nhàm chán tột độ, ấy là công năng phục trị duyên tham cung phụng, đây gọi là tập nghiệp khởi đầu của người có căn lanh lợi: Tuệ do tư thành, quán sát bên trong thân, có thể chế phục bốn tham, khiến chúng không hiện khởi.

Nếu người căn tánh chậm lụt, vì căn tánh chậm lụt nên phiền não mạnh mẽ, khó có thể chiết phục, phải nhờ vào sức duyên bên ngoài, mới có khả năng phục trị. Cho nên, trước phải quán sát sáng suốt, rõ ràng bên ngoài thân chết, dần dần khiến phiền não trong lòng mình bị nhỏ bỏ, khuất phục. Nghĩa là hành giả kia, đầu tiên, khi muốn quán thân chết bên ngoài, thì trước phải khởi tâm từ đi đến những chỗ vất bỏ thi thể; như Đức Thế Tôn nói: Người mới tu hành muốn cầu phương tiện nhanh chóng diệt trừ dục tham, phải khởi tâm từ bằng đường đấm bạc, tinh tấn, siêng năng tu quán, cho đến nói rộng. Qua đến chỗ thân chết kia rồi, vì muốn phục trị bốn tham, cần phải trải qua bốn thứ con

đường đạm bạc, tu quán bất tịnh, quán tướng bên ngoài thây chết, để so sánh với bên trong thân: Tướng thây chết bên ngoài kia đã như thế, thì tướng thây chết bên trong thân này cũng nên như thế. Do phương tiện này, dần dần có thể khiến cho tâm cũng đối với bên trong thân, sinh ra ý tưởng nhằm chán sâu xa, ấy là khả năng phục trị bốn thứ tham đã nói ở trước. Do đối với trong thân mà thấy tự tánh và để quán bất tịnh nhanh chóng được hoàn thành viên mãn, cần phải tu tám tướng, phục trị bốn thứ tham.

Vì muốn phục trị tham hiển sắc, nên tu tướng sanh bầm tím và tướng đổ khác. Vì muốn phục trị tham hình sắc, nên tu tướng bị thú dữ ăn thịt và tướng chia lìa. Vì muốn phục trị tham xúc chạm tốt đẹp, nên tu tướng tan hoại và tướng bộ xương. Vì muốn phục trị tham được cung phụng, nên tu tướng sinh trưởng và tướng mùi máu mủ khét lẹt. Thừa nhận duyên khung xương, tu quán bất tịnh chung có công năng phục trị bốn thứ tham như thế, vì trong một khung xương lìa đủ bốn cảnh tham nên tạm thời nói tu quán khung xương. Tuy nhiên, khi Bồ-đặc-già-la dẫn phát các thiện căn thì căn cứ nghiệp đã tu hành, nói có ba vị:

1. Tập nghiệp đầu tiên.
2. Tu đã thuần thục.
3. Siêu việt tác ý.

Vả lại, người hành quán khi muốn tu quán bất tịnh như thế, trước phải buộc tâm nơi phần thân mình, hoặc ở ngón chân, hoặc ở giữa hai đầu chân mày, hoặc đốt sống mũi, giữa trán, hoặc ở trên trán v.v... tùy chỗ ưa thích, chuyên chú không dời đổi, vì để cho đẳng trì được vững chắc. Từ nhập môn trở đi, gọi là tập nghiệp đầu tiên. Nói nhập, là chỉ rõ đầu tiên trói buộc tâm, giả tưởng các chỗ như ngón tay, ngón chân ... của tự thân nhỏ đến mức có thể quán thấy xương trắng lượng nhỏ như đồng tiền, rồi do năng lực của thắng giả quán thấy rộng dần, tăng dần, cho đến thấy đủ vòng xương toàn thân. Nghĩa là đối với phần vị này, các sư Du già tư duy giả tưởng da, thịt cháy khét, rơi rụng dần, khiến cho xương sạch, ban đầu lượng nhỏ như đồng tiền, cho đến khắp thân đều thành xương trắng. Hành giả kia đối với phần vị này, có nhiều tướng chuyển biến. Nói tướng chuyển biến là chứng tỏ không bỏ sở duyên, thường chuyển sinh tướng thắng giả khác.

Có sư khác nói: Hành quán này chưa thành tác ý, nhưng nhờ sức tưởng mà chuyển biến. Hành quán đã thành rồi, ấy là nhờ sức của tuệ. Vì phần vị này chưa thành nên do tướng chuyển. Nên biết, nói tác ý trong đây là biểu thị chung tất cả tâm, tâm sở pháp đều do sức tưởng

nối tiếp nhau mà chuyển. Thấy toàn thân rồi, lại dùng phương tiện đi vào môn quán bất tịnh duyên xương trắng bên ngoài. Nghĩa là để dần tăng thêm thắng giải, nên quán khung xương ngoài, ở bên thân mình, dần dần đầy khắp một giường, một phòng, một chùa, một vườn, một ấp, một thửa ruộng, một nước, cho đến khắp mặt đất, biến cả làm mức cuối cùng, ở trong khoảng đó, khung xương đầy đầy. Vì khiến cho thắng giải lại tăng dần, nên đối với sự rộng, lược dần mà quán, cho đến chỉ quán khung xương của thân mình. Quán lược dần đến mức này thì quán bất tịnh thành, gọi là vị khởi đầu tập nghiệp của sư Du già. Vì khiến quán lược, thắng giải càng tăng, trong xương mình, lại trừ xương chân, tư duy xương của người khác, buộc tâm mà an trụ, dần dần cho đến trừ xương nửa đầu, tư duy một nửa xương, buộc tâm mà trụ. Chuyển lược đến mức này thì quán bất tịnh được thành, gọi là sư Du già đã tu thành thực. Vì khiến lược quán thắng giải tự tại, trừ phân nửa xương đầu, buộc tâm giữa hai đầu chân mà chuyên chú một duyên vắng lặng mà trụ. Lược cuối cùng đến mức này thì quán bất tịnh thành, gọi là vị siêu việt tác ý của sư Du-già. Nên biết đến đây quán bất tịnh thành, các hành tác thích ứng đều rất ráo.

Người ở chốn rộng không nhân tản nói thế này: Quán ấy bấy giờ có tướng rất ráo, nghĩa là có tướng tịnh, bỗng nhiên hiện ở trước. Do đó, hoặc khiến hơi thở vào bớt ít, hoặc khiến phát tâm khởi không ưa thích, biết rõ cơ địa tu rất ráo, vì tướng sắc tịnh khởi tâm nhiều loạn. Như người ôn bài tụng, văn tụng đã thuộc. Lại, do vì được pháp trước chưa được, tiến tới chứng đắc thiện căn thù thắng khác, như nước trong thửa ruộng tràn đầy, tuôn chảy đi. Tướng như thế, gọi là tướng rất ráo của quán này.

Có sư khác nói: Nếu vào lúc ấy, không đối với duyên ngoài, khởi gia hạnh giác, gọi là quán bất tịnh viên mãn rất ráo. Sở duyên tự tại, hoặc nhỏ, hoặc lớn mà tư duy như lý nên làm bốn trường hợp. Nay, nên tư duy, lựa chọn.

Quán bất tịnh này đã thuộc về tác ý thắng giải, về lý lẽ ra gọi là tác ý điền đảo, thì thể của quán này không phải thiện. Không phải thể của sở duyên này đều là xương mà tạo thắng giải đều là xương, há chẳng điền đảo hay sao?

Quán bất tịnh này lại không thể nói đều thuộc về tác ý thắng giải, vì quán bất tịnh gồm có hai thứ:

1. Căn cứ tự thật.
2. Căn cứ thắng giải

Căn cứ tự thật: Nghĩa là do tác ý tương ứng với tuệ lực. Quán sát như thật chi bên trong thân mình tất cả bất tịnh, các sắc sai khác hoặc hình, hoặc hiển, như xương của chín vị tiên, hai Thương Khư v.v... Hoặc như tóc, lông, móng v.v... trong thân, nói rộng có đủ ba mươi sáu vật. Các vật này được gọi là căn cứ ở cái thật của tự thân mà quán. Do tác ý tương ứng với tự tướng, thế nên không thể dứt hẳn phiền não.

Căn cứ ở thắng giải: Nghĩa là do năng lực của thắng giải, tư duy giả tưởng các tướng bất tịnh, tướng này không thuộc về tác ý điên đảo, vì trái với tánh phiền não.

Phàm nói điên đảo, nghĩa là những gì vốn đã muốn thì không thể thành tựu (đảo ngược), còn đây thuận theo cái mong muốn mà có thể khuất phục phiền não, sao nói là điên đảo?

Nếu cho rằng cảnh này không phải đều là xương, tướng đều là xương, sao không phải điên đảo, thì về lý, cũng không đúng. Vì giống như cách hiểu tương ứng; nghĩa là các kẻ đối với gốc cây mà dấy khởi cái biết cây ấy là người thì mới gọi là tác ý điên đảo. Còn đây không tạo nên sự hiểu biết này.

Nay, người hành quán tạo ra tư duy như thế này: Trong các cảnh giới, dù không phải đều là xương, nay ta vì khuất phục các phiền não, nên dùng thắng giải quán khắp là xương. Đã tùy theo những mong muốn, như chỗ ứng hợp mà hiểu, có thể chế phục phiền não, sao là điên đảo? Thế lực của quán này, công năng chế phục phiền não khiến cho tạm không hiện hành. Đã có năng lực phương tiện tinh xảo như đây, sao không phải thiện? Thế nên, không có lỗi như đã vấn nạn.

Quán bất tịnh này mang tánh gì? Có bao nhiêu địa duyên? Cảnh nào? Xứ nào sinh? Hành tướng nào? Duyên đời nào? Là hữu lậu vô lậu? Là ly dục đắc hay gia hạnh đắc? Tụng rằng:

*Mười địa tánh vô tham*

*Duyên sắc, người, Dục sinh*

*Duyên đời mình bất tịnh*

*Hữu lậu thông hai đắc.*

**Luận nói:** Như trước đã hỏi, nay theo thứ lớp sẽ đáp. Nghĩa là quán này lấy vô tham làm tánh, tác ý trái ngược làm nhân, từ đó dẫn khởi sự nhàm chán, ghét bỏ lại sau lưng và trái ngược với tướng tham, nên biết trong đây gọi là quán bất tịnh. Gọi quán bất tịnh lẽ ra là tuệ, về lý cũng không đúng, vì đó là đối tượng thuận theo của quán. Nghĩa là quán bất tịnh có công năng gần đối trị tham, nên chính là dùng vô tham làm tánh. Tham nhân tướng tịnh, nhờ sức quán trừ, nên nói vô tham làm

đối tượng thuận của quán. Các quán bất tịnh đều là vô tham, chứ không phải các vô tham đều là quán bất tịnh, chỉ năng phục trị tham hiển sắc v.v... mới gọi là thể của quán này. Thể này căn cứ tự tánh, nếu gồm tùy theo hành đầy đủ thì dùng bốn uẩn, năm uẩn làm tánh, thông suốt dựa vào mười địa, nghĩa là bốn tĩnh lự và bốn cận phần định, trung gian, cõi Dục; chỉ ngần ấy địa chấp nhận có. Quán này chỉ duyên theo cảnh xứ sắc cõi Dục, vì hiển hình cõi Dục là cảnh của quán này.

Nếu vậy, vì sao trong Khế kinh nói: Nhĩ căn được giữ gìn do luật nghi, trụ quán bất tịnh, cho đến nói rộng. Lời nói này, vì nói đối với người bị khuấy phục do tham sắc, người ấy tất nhiên do vì duyên tham tiếng mà bị chế phục. Muốn khuấy phục duyên tham sắc, tất nhiên, trước phải trụ luật nghi nhĩ căn. Do đó mới có khả năng trụ quán bất tịnh.

Có thuyết nói: Quán này chỉ dựa vào ý thức làm chủ thể dẫn các hành tướng trái ngược khác vì thế nên, nếu có trụ luật nghi nhĩ căn thì người ấy, tất nhiên trước phải trụ quán bất tịnh. Lực quán bất tịnh này có thể duyên khắp tất cả xứ sắc thuộc cõi Dục.

Tôn giả A-nê-luật-đà không thể quán trời cho là bất tịnh, Tôn giả Xá-lợi-tử v.v... đối với sắc thân Phật, cũng không thể quán cho là bất tịnh, sao quán này duyên khắp sắc cõi Dục?

Vấn nạn này không đúng! Vì Thắng Vô Diệt có khả năng quán sắc trời là bất tịnh, Đức Phật có khả năng quán sắc thân vi diệu của Phật là bất tịnh. Do đó, quán này nhất định duyên khắp sắc cõi Dục làm cảnh và chứng tỏ duyên nghĩa không phải danh, cũng đã làm rõ thành duyên cả ba tánh. Người khởi đầu tập nghiệp chỉ dựa vào cõi người, có khả năng sinh pháp này, không phải người Bắc Câu lô châu, trong cõi trời, vì không có sắc sanh bầm tím v.v... nên không thể khởi đầu quán này, nếu trước khởi chỗ đây, sau sinh đến chỗ khác thì quán cũng được hiện tiền. Hành tướng của quán này chỉ chuyển bất tịnh. Vì là tánh thiện, nên thể là tịnh. Vì căn cứ ở hành tướng, nên nói là bất tịnh, là gia hạnh thuộc thân niệm trụ, không phải căn bản. Mặc dù tương ứng với ba căn hỷ, lạc, xả, nhưng có sự nhàm chán cùng lúc hiện hành. Giống như Nhân trí khổ tập tùy theo đời nào thì duyên theo cảnh đời của chính nó. Nếu pháp không sinh duyên chung ba đời. Hành tướng của quán này không thuộc về mười sáu hành như hành vô thường v.v... nên chỉ hữu lậu. Quán này chung cả gia hạnh và lìa nhiễm mà được. Khi lìa nhiễm của địa kia, được định của địa kia, cũng tức đạt được quán này của địa kia. Lìa nhiễm đạt được rồi, vào thời gian sau, cũng do gia hạnh, khiến được hiện khởi. Người chưa lìa nhiễm, chỉ nhờ



gia hạnh mới được. Trong đây, tất cả Thánh cuối cùng cho đến phàm phu đều chung trường hợp chưa từng tu tập và đã từng tu tập ở những đời sống trước.

